

# BÀN VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

BÙI NGỌC HIỀN - NGUYỄN THỊ BƯỚC\*

Ngày nhận bài: 17/02/2016; ngày sửa chữa: 21/02/2016; ngày duyệt đăng: 01/03/2017.

**Abstract:** Reaching the average of educational indexes is one of important goals of the education in Mekong Delta, whereas this is a far-reaching target for the region. In the article, authors say that the education in Mekong Delta should focus on some key objectives namely building the modern and flexible education to meet diversified learning demands of people, improving education quality to equip learners with knowledge, necessary skills and building a standard education environment to nurture individuals. In every period, these objectives are divided into specific directions to carry out.

**Keywords:** the education objectives, Mekong Delta.

## 1. Mục tiêu phát triển giáo dục (GD) vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong thời gian qua

Vùng ĐBSCL (còn được gọi là vùng Tây Nam bộ) là một trong sáu vùng KT-XH của Việt Nam, bao gồm thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau), có diện tích 40.572 km<sup>2</sup> và dân số 17.478.900 người và được xác định là “địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước” [1]. Trong những năm qua, vùng ĐBSCL có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Với tiềm năng và lợi thế của mình, vùng ĐBSCL là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, trái cây và thủy sản của Việt Nam. Theo Quyết định số 939/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020, quan điểm phát triển của Chính phủ là “xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL thành động lực thúc đẩy phát triển của đất nước” [1].

Về GD, trên cơ sở quan điểm, định hướng của Đảng về phát triển GD, phát triển vùng ĐBSCL, trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quản lý để xác lập cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển GD vùng ĐBSCL: Quyết định số 206/1999/QĐ-TTg, Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg, Quyết định số 1033/QĐ-TTg, Quyết định số 939/QĐ-TTg. Trong đó, Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg về phát triển GD, đào tạo (ĐT), dạy nghề vùng ĐBSCL đến năm 2010 xác định mục tiêu: “Nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực của ĐBSCL... *Phấn đấu đến năm 2010 chỉ số phát triển GD, ĐT và dạy nghề của ĐBSCL ngang bằng chỉ số trung bình của cả nước*”; Quyết

định số 1033/QĐ-TTg về phát triển GD, ĐT và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2015 xác định mục tiêu: “tạo bước đột phá để nâng cao chất lượng GD toàn diện, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển KT-XH nhanh, bền vững của vùng và cả nước”; Quyết định số 939/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020 xác định mục tiêu “... phấn đấu ngành GD, ĐT và dạy nghề của vùng đạt các chỉ số phát triển của các ngành học, bậc học trên mức bình quân chung của cả nước vào năm 2020”... Tuy nhiên, tính đến thời điểm tháng 9/2015, nhiều mục tiêu cơ bản được đề ra trong phát triển GD vùng ĐBSCL không đạt và nhiều chỉ số phát triển của GD vùng ĐBSCL vẫn thấp hơn so với mức trung bình của cả nước [3]. Vùng ĐBSCL vẫn được xác định là “vùng trũng”, vùng khó khăn về GD.

Theo Báo cáo tại Hội nghị tổng kết thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg [3], GD của vùng ĐBSCL vẫn một số tồn tại, hạn chế như: Phổ cập trẻ em 5 tuổi, tỉ lệ huy động trẻ dưới 36 tháng tuổi đạt thấp dưới 10%; Phân luồng học sinh (HS) sau trung học cơ sở (THCS), tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp tiếp tục gặp khó khăn; Tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi cấp trung học phổ thông (THPT) đạt thấp nhất (dưới 50%, bình quân cả nước là 60%); Quy mô tuyển sinh dạy nghề hàng năm chỉ đạt 56%, mới chỉ tập trung vào ĐT trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng... Thiếu phòng học mầm non, phòng học xuống cấp còn nhiều (còn 1.905 phòng học tạm và 2.608 phòng học nhờ mượn); Trang thiết bị phục vụ ĐT chậm được đầu tư, đổi mới;

\* Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

chưa đạt kế hoạch về tỉ lệ phòng học kiên cố đã đề ra... Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí GD còn bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; thiếu giáo viên mầm non, tiểu học cho 2 buổi/ngày, thừa giáo viên THCS, THPT ở một số địa phương. Tỉ lệ HS bỏ học luôn cao hơn so với cả nước, năm học 2014 - 2015 cấp tiểu học là 0,45% (bình quân cả nước là 0,16%, Tây Bắc 0,1%, Tây Nguyên 0,3%); cấp THCS 3,26% (bình quân cả nước 1,37%, Tây Bắc 1,04%, Tây Nguyên 1,3%); cấp THPT 3,94% (bình quân cả nước 1,79%, Tây Bắc 1,99%, Tây Nguyên 1,32%).

Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu Nhà nước cần tiếp tục quan tâm, phát triển GD vùng ĐBSCL. Một chủ trương chính sách phát triển GD vùng ĐBSCL cần được thực hiện nghiêm túc, khoa học và bắt đầu từ việc hoạch định chính sách, trong đó, xác định mục tiêu phát triển của GD vùng ĐBSCL trong những thập kỉ tiếp theo là một nhiệm vụ quan trọng.

## **2. Yêu cầu mang tính thời đại**

Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển KT-XH của các quốc gia cũng như của từng địa phương. Đối với từng cá nhân, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng mang lại không ít thời cơ và thách thức. Kinh tế tri thức đã, đang và sẽ là xu thế phát triển tất yếu của thời đại, mang lại thời cơ và thách thức đối với nước ta, đối với từng địa phương, từng tổ chức, cá nhân trong quá trình phát triển, hội nhập.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, yêu cầu quy mô, chất lượng nguồn nhân lực của cả nước nói chung, của vùng ĐBSCL nói riêng có nhiều thay đổi. Người lao động không chỉ cạnh tranh trong thị trường lao động của vùng, của đất nước mà là thị trường lao động khu vực, thị trường lao động quốc tế - "công dân toàn cầu". Cùng với đó là những thách thức từ xu hướng vận động, phát triển của các quá trình KT-XH trên quy mô toàn cầu như cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của khoa học công nghệ, quá trình giao lưu, tiếp biến, chuyển hóa lẫn nhau giữa các quốc gia, các nền văn hóa... Với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển của khoa học công nghệ, các nền kinh tế sẽ chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào truyền thống như lao động giá rẻ, đất đai, tài nguyên sang mô hình tăng trưởng do công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy. Điều này mang lại những cơ hội lớn nhưng cũng sẽ mang lại nhiều thách thức cho Việt Nam, tác động đến xu hướng và tiến trình

đổi mới, phát triển GD, đặt ra những yêu cầu vừa mang tính cấp bách vừa mang tính chiến lược đối với việc xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của mỗi quốc gia.

Đối với vùng ĐBSCL, ngoài những khó khăn, thách thức chung kể trên còn có những khó khăn, thách thức mang tính đặc thù. Đó là, KT-XH còn nhiều khó khăn, phát triển dưới mức tiềm năng, lợi thế; chất lượng nguồn nhân lực thấp đang là một nút thắt ngày càng lớn, kìm hãm sự phát triển KT-XH; GD chậm phát triển, còn trong "vùng trũng"; phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn và chịu ảnh hưởng từ nước biển dâng ngày càng trầm trọng. Do đó, nếu không có chiến lược để thích ứng, ĐBSCL sẽ gặp nhiều khó khăn trong phát triển cũng như phải đối phó với nhiều hệ lụy từ thực trạng này. Một trong những nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho vùng ĐBSCL là phải phát triển GD để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để vùng chủ động thích ứng, vượt qua những khó khăn, thách thức, phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của mình.

## **3. Bàn về mục tiêu phát triển GD vùng ĐBSCL trong những thập kỉ tiếp theo**

Một trong những câu hỏi đặt ra là vùng ĐBSCL có nên tiếp tục xác định mục tiêu phát triển GD là phấn đấu đạt được các chỉ số phát triển GD ngang bằng hoặc cao hơn mức trung bình chung cả nước? Theo chúng tôi, trong thời gian tới, vùng ĐBSCL không nên tiếp tục xác định mục tiêu trên và nên đánh giá đúng thực trạng, phân tích, dự báo tác động của tình hình trong và ngoài vùng để xác định lại mục tiêu phát triển GD, hướng tới cơ cấu lại nguồn nhân lực của vùng trong tương lai. Quan điểm này được đưa ra xuất phát từ các luận cứ sau:

**3.1. Cơ hội để cơ cấu lại nguồn nhân lực của vùng.** Theo kết quả nghiên cứu năm 2015 của Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL (Trường Đại học Cần Thơ) và Trường Quản lí (Đại học RMIT - Australia), chất lượng lao động ở vùng ĐBSCL rất thấp so với tất cả các vùng khác trong cả nước, xét về trình độ học vấn, chuyên môn ĐT. Toàn vùng hiện có tỉ lệ bình quân 85 sinh viên/1 vạn dân, chỉ bằng 1/3 so với tỉ lệ bình quân chung của cả nước. Tỉ lệ lao động có việc làm đã qua ĐT chỉ đạt 10,4% (số lao động có trình độ cao đẳng chỉ chiếm khoảng 3%), thấp nhất so với cả nước (bình quân 19,9%), riêng khu vực nông thôn chỉ khoảng 6%. Từ thực trạng này, vùng ĐBSCL nên dự báo nhu cầu và xác định cơ cấu nguồn nhân lực của vùng trong những thập kỉ tiếp theo để quy hoạch

lại mạng lưới, giao nhiệm vụ cho các cơ sở GD đại học, GD nghề nghiệp trong vùng cùng với thực hiện tốt phân luồng HS sau THCS, THPT. Từ đó tránh được tình trạng bất hợp lý trong cơ cấu đội ngũ lao động (“thừa thầy thiếu thợ”) của nước ta trong giai đoạn hiện nay, đồng thời phân hóa, ĐT ra nguồn nhân lực có chất lượng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, của tiến trình phát triển (“thầy ra thầy, thợ ra thợ”).

**3.2. Xác định định hướng phát triển GD phù hợp với thực tiễn của vùng.** Việc hoạch định chính sách phát triển GD vùng ĐBSCL, bao gồm việc xác lập mục tiêu phát triển GD vùng ĐBSCL trong những thập kỉ tiếp theo là đưa ra một “kịch bản” mới cho phát triển GD vùng ĐBSCL. Trên cơ sở phân tích bối cảnh, dự báo phát triển; đánh giá toàn diện quá trình phát triển GD và thực trạng GD vùng ĐBSCL, chính sách được hoạch định sẽ đảm bảo tính khoa học hơn, “thực tiễn hơn”, đưa ra một tiến trình phát triển mới cho GD vùng ĐBSCL.

**3.3. Đảm bảo xây dựng môi trường GD chuẩn mực.** Trong những năm qua, do chạy theo mục tiêu “phấn đấu đưa các chỉ số phát triển của GD vùng ĐBSCL ngang bằng với mặt bằng chung cả nước” nên đã phát sinh một số hoạt động tiêu cực như nâng điểm thi, HS ngồi nhầm lớp... Bởi vậy, trong thời gian tới, không xác định mục tiêu trên, đồng thời cần đánh giá chính xác, toàn diện thực trạng GD, nhìn thẳng vào thực tế, cam kết về tính trung thực, trách nhiệm của GD đối với xã hội để hướng tới xây dựng một nền GD “sạch”, trung thực, không chạy theo thành tích.

**3.4. Phân luồng HS hiệu quả hơn.** Trên cơ sở “học thật, đánh giá thật” sẽ phân hóa được HS của từng cấp, đặc biệt là cấp THCS và cấp THPT. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, GD cùng với việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp tốt cho HS sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phân luồng HS ở cấp THCS và cấp THPT. Thực hiện được mục tiêu này còn giúp tiết kiệm nguồn lực phát triển KT-XH.

Vậy mục tiêu phát triển GD vùng ĐBSCL trong những thập kỉ tiếp theo nên được xác định như thế nào?

Một chính sách mới ra đời nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của chính sách công là những nhu cầu, giá trị mong muốn đạt được trong và sau khi thực thi chính sách công trên thực tiễn. Mục tiêu chính sách là “linh hồn của chính sách”, định hướng, chi phối toàn bộ chu trình chính sách. Đối với chính sách phát triển GD vùng ĐBSCL, mục tiêu chính sách cần hướng tới giải quyết được vấn

đề chính sách, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong thời gian tới. Vấn đề chính sách chính là thực trạng kém phát triển của GD mặc dù đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, hỗ trợ phát triển trong nhiều năm qua, bất cập cả về quy mô, số lượng và chất lượng, là nguyên nhân chính của thực trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất cả nước, đã, đang và sẽ tiếp tục cản trở, kìm hãm sự phát triển KT-XH của vùng.

Trước khi xác định mục tiêu chính sách phát triển GD cần xây dựng tiêu chuẩn, yêu cầu của những lớp người mới mà GD vùng ĐBSCL hướng đến GD, xây dựng. Đó là những lớp người có thể lực tốt, có đủ tri thức, kĩ năng cần thiết để tham gia vào tiến trình xây dựng, phát triển vùng ĐBSCL trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và thích ứng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong những thập kỉ tiếp theo. Để đáp ứng yêu cầu đó, mục tiêu phát triển GD của vùng ĐBSCL nên hướng đến 03 mục tiêu tổng quát: (1) Xây dựng nền GD khoa học, hiện đại, mở để đáp ứng nhu cầu học tập của mọi cá nhân; (2) Chất lượng GD tốt, không ngừng đổi mới, phát triển để đáp ứng yêu cầu trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng khoa học, tiên tiến, phù hợp; (3) Xây dựng môi trường GD chuẩn mực để GD, hoàn thiện mỗi cá nhân.

Mô hình GD ĐBSCL mới cần được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm phát triển GD của cả nước, của vùng ĐBSCL và vận dụng những mô hình GD tiên tiến trên thế giới vào điều kiện thực tiễn ĐBSCL, đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của người học. Người học bình đẳng và dễ dàng tiếp cận với các hoạt động GD theo nhu cầu của mình ở bất cứ thời gian, địa điểm nào. Người học được GD, rèn luyện nhân cách, được trang bị tri thức khoa học và kĩ năng cần thiết trong một môi trường học thuật chuẩn mực trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm và phối hợp đồng bộ, toàn diện của 04 bên: gia đình, nhà trường, xã hội và Nhà nước.

Các mục tiêu của chính sách phát triển GD vùng ĐBSCL cần được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong từng giai đoạn, phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn trên cơ sở điều tra, phân tích, dự báo phát triển để xác định nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu nguồn nhân lực của vùng.

Để đạt được mục tiêu trên, Nhà nước cần xây dựng hệ thống giải pháp toàn diện, được thực thi trên phạm vi toàn vùng với cơ chế thực thi rõ ràng, đồng bộ. Đồng

(Xem tiếp trang 61)

Các module DSS	Module SV	Module giảng dạy	Module nghiên cứu
Các vấn đề cần ra quyết định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng kí/Đăng nhập</li> <li>- Phân loại lại việc học</li> <li>- Học phí</li> <li>- Đăng kí chuyên ngành</li> <li>- Học bổng</li> <li>- Kí túc xá</li> <li>- Các chứng nhận</li> <li>- Các thông báo/thông tin web</li> <li>- SV chuyển trường</li> <li>- SV bị dừng học</li> <li>- Tạm thời ngừng học</li> <li>- Gia hạn việc học</li> <li>- 2 hoặc nhiều chuyên ngành</li> <li>- Thi chứng nhận ở tổ chức khác</li> <li>- Các hoạt động trợ giúp SV</li> <li>- Tư vấn nghề nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cương và các tài liệu dạy học</li> <li>- Lịch học</li> <li>- Lựa chọn các khóa học tùy chọn</li> <li>- Các hoạt động trợ giúp SV</li> <li>- Các hoạt động dạy học</li> <li>- Chuẩn bị cho kì thi tốt nghiệp</li> <li>- Đánh giá cán bộ dạy học</li> <li>- Lịch thi</li> <li>- Kiểm tra giữa kì và cuối kì</li> <li>- Quản lí chấm điểm SV</li> <li>- Thảo luận về kết quả đánh giá</li> <li>- Kì thi tốt nghiệp cuối cùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá các kết quả khoa học</li> <li>- Các chuẩn và các vấn đề thực thi</li> <li>- Hệ số lương</li> <li>- Các chiến lược về nguồn lực</li> <li>- Phỏng vấn và mở rộng công việc đối với các vị trí nghiên cứu</li> <li>- Đánh giá và hoạt động của tiến sĩ</li> <li>- Tiếp tục trợ cấp và quản lí</li> </ul>

Hình 2. Các nhóm chức năng chính trong DSS

DSS với các chức năng (đã trình bày ở phần 3) phù hợp với các nhiệm vụ trong trường đại học, cao đẳng. Đây là nghiên cứu mới và hệ thống đó là một thể

thống nhất của tri thức, các hoạt động giảng dạy, đào tạo được cung cấp cho cộng đồng và xã hội. Đó là nhiệm vụ quan trọng của đất nước và các tổ chức GD-ĐT bậc cao. Hơn nữa, sự tích hợp và phát triển của DSS với các hệ thống thông tin đang tồn tại trong các trường đại học sẽ giúp giảm bớt chi phí và thời gian trong việc ra quyết định của các nhà quản lí giáo dục. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Thanh Hồng (2007). *Hệ thống thông tin quản lí*. NXB Khoa học - Kỹ thuật.  
 [2] Hàn Viết Thuận (2008). *Hệ thống thông tin quản lí*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.  
 [3] U.R.F. Averweg (2012). *Decision - making support system: Theory & Practice*. Ventus Publishing ApS.  
 [4] Vasile Paul Bresfelean - Nicolae Ghisoiu (2010). *Business Information Systems Department, Faculty of Economics and Business Administration*. Babes-Bolyai University, Higher Education Decision Making and Decision Support Systems.  
 [5] E. Turban - S. Sharda - D. Delen (2011). *Decision Support Systems and Intelligent Systems (9th Edition)*. Prentice-Hall Inc.  
 [6] V.B. Bresfelean (2008). *Implicatii ale tehnologiilor informatice asupra managementului institutiilor universitare*. Ed. Risoprint, Cluj-Napoca.

## Bàn về mục tiêu phát triển giáo dục...

(Tiếp theo trang 64)

thời, xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả một số đề án như: phát triển đội ngũ nhà giáo vùng ĐBSCL, thí điểm thực hiện GD bắt buộc đối với bậc tiểu học, THCS... Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển toàn diện KT-XH vùng ĐBSCL, tạo điều kiện tốt để thúc đẩy GD của vùng phát triển.

Mặc dù đã được quan tâm, phát triển nhưng GD vùng ĐBSCL vẫn còn trong "vùng trũng", vùng khó khăn về GD. Thực trạng này đã, đang và sẽ là một trong những tác nhân chính kìm hãm sự phát triển của vùng ĐBSCL so với tiềm năng, lợi thế. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong những thập kỉ tiếp theo cần tiếp tục quan tâm phát triển GD vùng ĐBSCL. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là xác định mục tiêu phát triển GD vùng ĐBSCL khoa học, phù hợp với thực tiễn, hướng đến phục vụ tiến trình phát triển bền vững vùng ĐBSCL. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 939/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*.  
 [2] Nguyễn Hữu Hải (2014). *Chính sách công - những vấn đề cơ bản*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.  
 [3] Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ - Bộ GD-ĐT - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2015). *Báo cáo về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015, phương hướng phát triển giai đoạn 2016-2020*.  
 [4] Thủ tướng Chính phủ (2006). *Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg về phát triển giáo dục, đào tạo, dạy nghề vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010*.  
 [5] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 1033/QĐ-TTg về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015*.  
 [6] Huy Vũ (2015). *Bàn giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Cộng sản online, 5/11/2015.